TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/ 2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Hoàn Sinh

Bà Trịnh Thị Bình

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện VKSND huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 68/2022/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về ''*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn''* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXX-ST ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị L, sinh năm 1985 (Có mặt)
- Bị đơn: Anh Phạm Đình B, sinh năm 1980 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn Ph, xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/7/2022 và bản tự khai chị Chu Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Đình B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15/5/2007 tại UBND xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, luôn bất đồng quan điểm sống. Đến cuối năm 2016 mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở (cùng thôn), từ đó vợ chồng chị sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Tại bản tự khai ngày 08/8/2022 bị đơn anh Phạm Đình B trình bày: Anh thống nhất với ý kiến chị L, về điều kiện và thời thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do làm ăn kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cải nhau. Đến năm 2007 anh đi làm ăn ở MaLaySiA đến tháng 6/2022 anh về Việt Nam, từ khi anh đi MaLaySiA là vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay không ai quan tâm đến ai, Cô L đã bỏ về nhà bố mẹ ở (cùng thôn) cho đến nay, vợ chồng sống không có hạnh phúc. Nay cô L xin ly hôn anh, anh không đồng ý anh muốn vợ chồng về đoàn tụ, nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chị L và anh B thống nhất anh, chị có 02 con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 20/01/2008 và Chu Quốc H, sinh ngày 06/02/2017.

Chị L có nguyện vọng xin được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chu Quốc H, anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Pham Anh T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B có nguyện vọng xin được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Pham Anh T, chị L tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chu Quốc H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại đơn đề nghị ngày 08/8/2022 cháu Phạm Anh T trình bày nguyện vọng cháu xin tiếp tục được ở với bố để thuận tiện cho việc cháu học tập và sinh sống.

Về tài sản, công nợ: Chị L, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ L vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Phạm Đình B. Anh B đã nhận được thông báo thụ L vụ án anh B không có ý kiến gì và anh B đã trình bầy bản tự khai. Anh B đã được nhận thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh B không chấp hành tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B vắng mặt không có L do nên Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tình trạng hôn nhân đối với anh Phạm Đình B.

Tại biên bản xác minh ngày 31/8/2022 theo chính quyền địa phương cho biết chị L và anh B có hộ khẩu thường trú tại thôn Ph, xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do điều kiện kinh tế khó khăn, nợ nần, ngoài ra còn mâu thuẫn gì thì chính quyền địa phương không biết. Anh B và chị L có 02 con chung là Phạm Anh T và Chu Quốc H. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh B, cháu H đang ở cùng chị L. Anh B và chị L có những tài sản và vay nợ ai thì chính quyền địa phương không biết.

Ý kiến của Kiểm sát viên : Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn có đơn có mặt, bị đơn anh Phạm Đình B có đơn xin xét xử vắng mặt áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị L được ly hôn anh Phạm Đình B.

Về con chung: Giao cháu Phạn Anh T, sinh ngày 20/01/2008 cho anh B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Chu Quốc H, sinh ngày 06/02/2017 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị L và anh B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Chu Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc hôn nhân của chị và anh B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh B đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 15/5/2007 tại UBND xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.Vì vậy hôn nhân giữa Chị L và anh B là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo về việc thụ L vụ án cho anh B và anh B cũng đã trình bầy bản tự anh cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do khó khăn về kinh tế, nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cải nhau, không quan tâm đên nhau và sống không có hạnh phúc ,vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai, tuy nhiên sau khi nhận thông báo phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hoà giả của Tòa án, anh B không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, nên Tòa án không tiến hành phiên hòa giải được. Như vậy anh B đã làm mất đi cơ hội đoàn tụ của vợ chồng. Việc chị L, anh B trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thực trạng hôn nhân phù hợp với xác minh tình trạng hôn nhân chị L anh B tại địa phương, anh B không nhất trí ly hôn nhưng anh cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa, nhưng anh cũng không đưa ra giải pháp khắc phục để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị L được ly hôn anh B là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L và anh B thống nhất anh, chị có 02 con chung là Phạm Anh Tuấn, sinh ngày 20/01/2008 và Chu Quốc Hùng, sinh ngày 06/02/2017.

Chị L có nguyện vọng xin được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chu Quốc H, anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Anh T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B cũng có nguyện vọng xin được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Anh T và chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chu Quốc H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cho các cháu được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt để

các cháu phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần và đang học tập và sinh sống ổn định. Nên cần giao cháu Phạn Anh T cho anh B tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Chu Quốc H cho chị L tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B, chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị L và anh B đều không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ B Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về hôn nhân: Xử cho Chị Chu Thị L được ly hôn anh Phạm Đình B.
- Về con chung: Giao cháu Phạn Anh T, snh ngày 20/01/2008 cho anh B tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Chu Quốc H, sinh ngày 06/02/2017 cho chị L tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Chị L, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005595 ngày 28/7/2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.
- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- UBND xã Đông Ninh;
- Cơ quan THADS huyện Đông Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Trịnh Thị Hà